

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

Bản án số: 102/2024/HS-ST

Ngày: 23-4-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bích Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Lành-Nguyên Giáo viên trường PTTH Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên

2. Ông Triệu Đức Tươi-Bí thư chi bộ tổ dân phố 15, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Kim Oanh – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 69/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Dương Văn T, tên gọi khác: không, sinh ngày 14/4/2007 (thời điểm phạm tội được 16 tuổi 09 tháng), tại Bắc Kạn; Nơi thường trú: thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Học sinh Trường Cao Đẳng C1; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Tày, giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Dương Văn T1 và bà: Hà Thị M; chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự, nhân thân: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2024 đến nay, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. (Có mặt tại phiên tòa)

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo T: chị Hà Thị M, sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Hoàng Thị B do Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T cử. (có mặt)

Người bị hại: Chị Trần Văn T2, sinh năm 1992, trú tại: tổ C, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (có đơn xin xử vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1956, địa chỉ: xóm Đ, xã S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (có mặt)

Người làm chứng:

1) Anh Bùi Văn T3, sinh năm 1986, Địa chỉ: xóm H, xã S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt)

2) Anh Nguyễn Trung C, sinh năm 1980, địa chỉ: xóm N, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt)

3) Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1983, nơi thường trú: tổ C, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt)

4) Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1968, nơi thường trú: xóm B, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt)

Người chứng kiến: Chị Nguyễn Thị Thu H2, nơi công tác: Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 13/01/2024, Dương Văn T đi bộ từ ký túc xá của Trường Cao đẳng C1 đến cửa hàng cho thuê xe của bà Bùi Thị H tại khu vực công phụ của T4 thuê 01 xe máy điện nhãn hiệu Momentum, số loại 133S, không gắn biển kiểm soát. Sau khi thuê được xe, T điều khiển xe trên đường D hướng về trung tâm thành phố T mục đích xem có cửa hàng điện thoại nào thì sẽ giả vờ vào mua điện thoại rồi lợi dụng sơ hở sẽ nhanh chóng cầm điện thoại bỏ chạy. Khi T đến khu vực phường T, thành phố T thì quan sát thấy có cửa hàng Đ do chị Trần Văn T2 làm chủ, liền điều khiển xe đi lên vỉa hè trước cửa quán rồi đỗ xe hướng đầu xe ra ngoài đường, chìa khóa vẫn cắm trong ổ, không tắt máy để nếu lấy được điện thoại sẽ tiện cho việc tẩu thoát. Lúc này, T đi vào bên trong quán thì gặp chị Trần Văn T2 và chồng là anh Nguyễn Thanh S nên nói muốn bán 01 chiếc điện thoại di động của T, nhãn hiệu Realme màu xanh để lấy tiền mua điện thoại khác, sau đó hỏi giá chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11, màu đen và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone XR, màu trắng để chị T2 tin tưởng giao tài sản cho T. Chị T2 lấy 02 chiếc điện thoại đưa cho T, sau khi xem T cầm chiếc điện thoại iPhone 11 rồi đưa lại cho chị T2 chiếc điện thoại iPhone XR và tiếp tục đứng xem, khi thấy anh S vào trong nhà còn mình chị T2 bán hàng và không để ý nên T đã cầm chiếc điện thoại iPhone 11 nhanh chóng đi ra cửa rồi lên xe máy điện điều khiển tẩu thoát. Chị T2 thấy T bỏ chạy nên hô hoán và cùng quần chúng nhân dân đuổi theo bắt được T trình báo Công an phường T đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 30/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, số máy MHC43LL/A, số se ri DX3DD2E5N725, màu đen, đã qua sử dụng, thời điểm định giá ngày 13/01/2024 có trị giá là 6.500.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 78/CT-VKSTPTN ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Dương Văn T về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận về hành vi phạm tội của mình, xác định cần tiền nên đã nảy sinh ý định xem có ai sơ hở thì cướp giật tài sản để lấy tiền tiêu xài cá nhân, thừa nhận nội dung bản cáo trạng đã truy tố là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Dương Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm b,s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65, khoản 1 Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Dương Văn T từ 12-15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo án định thời gian thử thách theo quy định pháp luật. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Trách nhiệm dân sự: đã bồi thường xong bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả cho bị cáo Dương Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme, vỏ màu xanh, đã qua sử dụng.

Án phí áp dụng Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án. Miễn án phí cho bị cáo do gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo

Phản tranh luận luật sư bào chữa cho bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã nhờ gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả, bị cáo được bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt, khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên được hưởng chính sách pháp luật của người chưa thành niên phạm tội, bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ b,s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự, do đó nhất trí mức hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo

Bị cáo; đại diện hợp pháp cho bị cáo không có bổ sung gì với luật sư tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Tại lời nói sau cùng bị cáo gửi lời xin lỗi tới bị hại, gia đình và cũng gửi lời cảm ơn tới bị hại đã tha thứ, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, mong Hội đồng xét xử xem xét tạo điều kiện để được học tập và tu dưỡng rèn luyện.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, đại diện hợp pháp bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[1.2] Tại phiên tòa vắng mặt người bị hại, tuy nhiên chị T2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Trần Văn T2.

[2] Nhận định của Hội đồng xét xử về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án như biên bản sự việc; vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Do cần tiền tiêu xài cá nhân, T điều khiển xe máy điện đến cửa hàng điện thoại S, sau khi vào cửa hàng T nói dối muốn bán điện thoại và hỏi xem điện thoại Iphone 11, sau khi được chị T2 đưa điện thoại, lợi dụng lúc chị T2 không để ý T đã cầm điện thoại chạy ra xe máy nổ máy điều khiển xe bỏ chạy. Tài sản cướp giật được 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu đen, đã qua sử dụng, qua định giá có giá trị là 6.500.000 đồng.

[3] Với hành vi lợi dụng sự sơ hở của chị T2 sau khi giao tài sản, bị cáo cầm điện thoại nhanh chóng chạy ra xe máy điện bỏ chạy, giá trị tài sản bị cáo phạm tội là 6.500.000 đồng, do đó hành vi của bị cáo đã phạm vào tội cướp giật tài sản theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự, do đó Viện kiểm sát thành phố T truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự, vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự. Xét bị cáo khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, khả năng nhận thức còn hạn chế về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do mình gây ra, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tác động tới gia đình để bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chị T2 và bà H có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo; gia đình bị cáo là hộ nghèo tại địa phương là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b,s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Xét bị cáo tuổi đời còn trẻ, nhất thời phạm tội, được hưởng nhiều tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và chính sách pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội có căn cứ áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự không cần cách ly xã hội đối với bị cáo, cho bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đảm bảo tác dụng giáo dục pháp luật đối với bị cáo, đồng thời rắn đe phòng chống tội phạm chung và phù hợp chính sách pháp luật của nhà nước đối với người chưa thành niên phạm tội.

[6] Hình phạt bổ sung: khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự quy định "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*", xét bị cáo là người chưa thành niên phạm tội nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Trách nhiệm dân sự:

[7.1] Đối với tài sản 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu đen, ngày 10/3/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả cho chị T2 quản lý sử dụng đồng thời bà Hà Thị M (mẹ bị cáo) đã bồi thường cho chị T2 số tiền 500.000 đồng, đến nay chị T2 không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7.2] Đối với tài sản xe máy điện nhãn hiệu Momentum, số loại 133S, không gắn biển kiểm soát, đã qua sử dụng, ngày 10/3/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả cho bà H quản lý sử dụng đồng thời bà Hà Thị M (mẹ bị cáo) đã bồi thường cho bà H số tiền 2.500.000 đồng, đến nay bà H không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Xử lý vật chứng: Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Realme, vỏ màu xanh, đã qua sử dụng thu giữ của Dương Văn T không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo trả cho bị cáo quản lý sử dụng.

[9] Đối với bà Bùi Thị H là người cho T thuê xe điện nhãn hiệu Momentum, số loại 133S, không gắn biển kiểm soát, đã qua sử dụng, quá trình điều tra xác định bà H không biết việc T sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp, Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo tại địa phương, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Bị cáo, đại diện hợp pháp cho bị cáo, luật sư bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[11] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa là phù hợp, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên, căn cứ Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

[2] Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Dương Văn T 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Dương Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự 2019.

Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về tội phạm khác.

[3] Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Trách nhiệm dân sự: bị hại không yêu cầu không đặt ra xem xét.

[5] Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme, vỏ màu xanh, đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 143 lập ngày 22/4/2024 giữa Công an thành phố T và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên)

[6] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Dương Văn T.

[7] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo Dương Văn T, bà Hà Thị M, bà Hoàng Thị B, bà Bùi Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Văn T2 vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Thái Nguyên;
- Công an thành phố Thái Nguyên;
- THADS thành phố Thái Nguyên;
- Trại tạm giam công an tỉnh TN;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo; người TGT;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Bích Hiền

